

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4160 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng và vận hành khai thác cảng” (nâng công suất cảng Quốc tế Cái Mép tiếp nhận tàu trọng tải 214.121DWT giảm tải)

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 189/2023-CMIT-HSSE ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép về việc chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng và vận hành khai thác cảng” (nâng công suất cảng Quốc tế Cái Mép tiếp nhận tàu trọng tải 214.121DWT giảm tải);

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng và vận hành khai thác cảng” (nâng công suất cảng Quốc tế Cái Mép tiếp nhận tàu trọng tải 214.121DWT giảm tải) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND các tỉnh: Bà Rịa - Vũng Tàu, Tiền Giang;
- Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- Sở TNMT các tỉnh: Bà Rịa - Vũng Tàu, Tiền Giang;
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép;
- Lưu: VT, VPMC, MT_{LTH}.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “XÂY DỰNG VÀ VẬN HÀNH KHAI THÁC CẢNG” (NÂNG CÔNG SUẤT CẢNG QUỐC TẾ CÁI MÉP TIẾP NHẬN TÀU TRỌNG TẢI 214.121DWT GIẢM TẢI)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng và vận hành khai thác cảng (nâng công suất cảng Quốc tế Cái Mép tiếp nhận tàu trọng tải 214.121DWT giảm tải).

- Địa điểm thực hiện Dự án: phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép; địa chỉ liên hệ: khu phố Tân Lộc, phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

Dự án có tổng diện tích 762.513,1 m², gồm diện tích mặt bằng cảng Quốc tế Cái Mép 479.849,4 m² (công suất đón tàu 214.121DWT giảm tải, công suất hàng qua cảng Quốc tế Cái Mép lên khoảng 2.100.000 Teu/năm, loại hàng hóa thông qua cảng Quốc tế Cái Mép là hàng container), diện tích khu nước trước bến 203.326,2 m² và diện tích khu vực bãi chứa vật, chất nạo vét (bãi chứa) khoảng 79.337,5 m².

- Tọa độ ranh giới khu nước trước bến:

STT	Điểm mốc	Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3 ⁰	
		X(m)	Y(m)
1	SC1	1162624,533	418988,302
2	SC4	1163154,848	419268,737
3	SC5	1163319,074	419147,338
4	SC6	1162607,644	418558,832

- Tọa độ ranh giới mặt bằng cảng Quốc tế Cái Mép:

STT	Điểm mốc	Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3 ⁰	
		X(m)	Y(m)
1	SC1	1162624,533	418988,302
2	SC2	1162250,621	419695,384
3	SC3	1162780,935	419975,818
4	SC4	1163154,848	419268,737



- Tọa độ ranh giới khu vực bãi chứa (theo Công văn số 8358/UBND-KT ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang):

STT	Điểm mốc	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3 ⁰	
		X(m)	Y(m)
1	E	1159121,16	606701,03
2	F	1158812,83	606897,44
3	G	1158687,99	606695,24
4	H	1159004,27	606492,98
5	I	1159036,00	606551,50
6	J	1158948,57	606608,34
7	K	1158998,68	606687,77
8	L	1159082,13	606633,60

- Tọa độ âu chứa tạm (theo Công văn số 741/CCĐTNDPN-PC ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Cục Đường thủy nội địa phía Nam):

Điểm giới hạn	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45' múi chiếu 3 ⁰	
	X(m)	Y(m)
1	1159267,79	606532,59
2	1159216,71	6026446,62
3	1159242,50	606431,29
4	1159293,59	606517,26

- Hạng mục phục vụ dự án nâng công suất: nạo vét khu nước trước bến với khối lượng nạo vét khoảng 45.120 m³, thời gian triển khai thi công nạo vét khoảng 38 ngày.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường không bao gồm các hạng mục thuộc Dự án “Đầu tư xây dựng Cảng Quốc tế Cái Mép” theo Quyết định số 1321/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và Dự án “Cảng Quốc tế Cái Mép” theo Giấy xác nhận số 07/GXN-TCMT ngày 15 tháng 8 năm 2012 của Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành.

1.3. Công nghệ vận hành

- Hoạt động tại cảng Quốc tế Cái Mép: bốc dỡ hàng container từ tàu cập bến vận chuyển về bãi chứa sau đó giao cho chủ hàng hoặc hàng container từ các cơ sở sản xuất được nhập về bãi và bốc xếp lên thuyền, xuất đi bằng đường thủy.

- Hoạt động nạo vét và đổ vật, chất nạo vét: vận chuyển vật, chất nạo vét về âu chứa tạm bằng sà lan xả đáy. Âu chứa tạm (hiện có) kích thước 30 m × 10 m, cao độ -5,5 m (hệ Hải đồ); phun hút vật, chất nạo vét lên bãi chứa bằng tàu hút phun.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình đã được triển khai thi công, xây dựng và vận hành theo Quyết định số 1321/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Giấy xác nhận số 07/GXN-TCMT ngày 15 tháng 8 năm 2012 của Tổng cục Môi trường gồm:

a) Các hạng mục công trình chính

- Cầu cảng Quốc tế Cái Mép gồm 06 phân đoạn có tổng chiều dài 600 m, chiều rộng 55 m, cao độ mặt bên +5,5 m (hệ Hải đồ), cầu cảng có 03 cầu dẫn L, C, R; bãi container diện tích 256.000,0 m².

- Khu nước trước bến diện tích khoảng 203.326,2 m², cao độ thiết kế -16,5 m (hệ Hải đồ).

b) Các hạng mục, công trình phụ trợ

- Kè bảo vệ 514 m thiết kế dạng đê kè rọ đá.

- Xưởng sửa chữa diện tích 2.000 m², nhà văn phòng diện tích 1.511 m², nhà điều hành khai thác bến diện tích 289 m².

- Kho dầu diện tích 460 m² (02 bồn chứa dầu dung tích 40 m³/bồn) và được ngăn cách với khu vực xung quanh bằng tường ngăn cao 3 m.

- Các hạng mục, công trình phụ trợ khác: trạm cấp nước, sân đường nội bộ, cây xanh cảnh quan, công, hàng rào.

c) Các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường

- Hệ thống thu gom nước mưa:

+ Nước mưa chảy tràn được thu gom bằng các ống tròn bằng bê tông cốt thép và mương hở dạng chữ U, trên hệ thống thoát nước mưa bố trí các hố ga để lắng cặn sơ bộ trước khi xả ra môi trường.

+ Nước mưa chảy tràn khu vực xưởng sửa chữa được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý (HTXL) nước mưa công suất 200 m³/ngày.

Quy trình xử lý: nước mưa → bộ lọc WFF, lưới chắn rác → bể chứa 1 (thiết bị gạt dầu) → xả ra môi trường (trường hợp cần tái sử dụng nước mưa: nước mưa → bộ lọc WFF, lưới chắn rác → bể chứa 1 (thiết bị gạt dầu) → thiết bị lọc YD → bể chứa 2).

+ Nước mưa chảy tràn khu vực trạm cấp phát dầu được thu gom về HTXL nước thải nhiễm dầu 50 m³/ngày để xử lý trước khi xả ra môi trường.

- Hệ thống thu gom thoát nước thải, xử lý nước thải sinh hoạt: nước thải sinh hoạt được thu gom bằng đường ống HDPE về HTXL nước thải sinh hoạt công suất 100 m³/ngày.

- HTXL nước thải công nghiệp (nhiễm dầu): nước thải nhiễm dầu được thu gom về đường ống HDPE về HTXL nước thải nhiễm dầu công suất 50 m³/ngày.

- 01 kho chất thải nguy hại (rộng 28,5 m², cao 1,6 m); 01 khu vực lưu giữ chất thải rắn (CTR) công nghiệp (rộng 156 m², cao 4,5 m); 05 thùng 120 lít, 10 thùng 240 lít thu gom CTR sinh hoạt.

1.4.2. Các hạng mục công trình bổ sung (hoạt động nạo vét)

- Nạo vét khu nước trước bến rộng 203.326,2 m², khối lượng nạo vét khoảng 45.120 m³, cao độ nạo vét -16,5 m để đón tàu 214.121DWT giảm tải.

- Phương tiện tham gia thi công: 01 gầu ngoạm ≥ 3 tấn, 02 sà lan tự hành xả đáy ≥ 600 tấn, 01 tàu kéo ≥ 250 CV, 01 tàu hút phun ≥ 600 CV.

- Bãi chứa có diện tích khoảng 79.337,5 m², trữ lượng chứa khoảng 600.000 m³ thuộc khu đất của ông Bùi Ngọc Sen (số căn cước công dân: 030073013334, nơi thường trú: 98/6B Lê Thị Hồng Gấm, phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) thuộc địa phận xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Các hạng mục tại khu vực bãi chứa gồm:

+ Gia cố đê bao bãi chứa để ổn định chiều rộng mặt đê 20 m, chiều cao bờ đê +5,5 m, hệ số mái 1,5 thân đê đắp bằng đất đắp tại chỗ, phần mái phía bãi chứa được trải nhựa PE để tránh rò rỉ, sạt lở mái đê (đã được gia cố bằng cừ tràm).

+ 02 ô lửng có diện tích 5.000 m²/ô; đê ngăn ô lửng được đắp cao 4,5 m, đóng 03 hàng cừ L = 4 m (đã bố trí 02 cửa tràn và 01 cửa xả tại cuối ô lửng, chiều rộng cửa tràn, cửa xả 5 m, đã được gia cố bằng 2 hàng cừ tràm. Cửa tràn cửa xả được lót vải địa kỹ thuật để chống xói khi có nước tràn qua, phía trên đắp các bao tải đất thành từng lớp).

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường và điểm a khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1 Trong giai đoạn thi công

Hoạt động nạo vét, vận chuyển vật, chất nạo vét đến âu chứa tạm, phun hút vật, chất nạo vét lên bãi chứa ảnh hưởng tới môi trường nước mặt, không khí khu vực Dự án và lân cận.

2.2. Trong giai đoạn vận hành

Hoạt động sửa chữa, vệ sinh máy móc thiết bị; hoạt động của phương tiện vận chuyển hàng hóa; hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên và khách đến giao dịch; hoạt động của HTXL nước thải sinh hoạt, nước thải nhiễm dầu; hoạt động nạo vét duy tu khu nước trước bến ảnh hưởng tới môi trường nước mặt, không khí khu vực Dự án và lân cận.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Trong giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh với lưu lượng khoảng 1,7 m³/ngày đêm;

thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Tổng Coliforms.

- Nước róc từ bãi chứa chất nạo vét với lưu lượng khoảng 19.337 m³ trong suốt thời gian thi công; thông số ô nhiễm đặc trưng: độ đục, TSS.

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt phương tiện thi công (máy đào gầu dây, sà lan, tàu hút phun).

b) Trong giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt phát sinh với lưu lượng khoảng 26,7 m³/ngày đêm; thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Tổng Coliforms.

- Nước phát sinh từ hoạt động rửa xe, vệ sinh container với lưu lượng khoảng 25 m³/ngày đêm; thông số ô nhiễm đặc trưng: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Dầu mỡ.

- Nước mưa lẫn dầu tại khu vực trạm cấp phát dầu (phát sinh khi xảy ra sự cố rò rỉ, tràn đổ) với lưu lượng khoảng 2,9 m³/ngày; thông số ô nhiễm đặc trưng: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Dầu mỡ.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Trong giai đoạn thi công, xây dựng

Bụi, khí thải phát sinh từ thiết bị thi công nạo vét, vận chuyển, phun hút vật, chất nạo vét, gia cố đê bao bãi chứa; thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, SO₂, NO₂, CO, mùi từ bãi chứa.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Hoạt động bốc dỡ hàng hóa, hoạt động của các phương tiện ra vào cảng Quốc tế Cái Mép; thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, SO₂, NO₂, CO.

- Hoạt động hàn sửa chữa xe, container phát sinh khói hàn, sơn trong quá trình sửa chữa container; thông số ô nhiễm đặc trưng: CO, NO_x, hơi dung môi.

3.2. CTR thông thường, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTR sinh hoạt

a) Trong giai đoạn thi công, xây dựng

CTR sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 35,5 kg/ngày; thành phần chủ yếu: các loại bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

b) Trong giai đoạn vận hành

CTR sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 37,45 kg/ngày; thành phần chủ yếu: các loại bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTR thông thường

a) Trong giai đoạn thi công, xây dựng

Vật, chất nạo vét phát sinh với khối lượng khoảng 45.120 m³; thành phần chủ yếu: hạt sét (46%), hạt limon (37%), cát mịn (10%) và cát thô (7%).

b) Trong giai đoạn vận hành

CTR thông thường phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, duy tu phương tiện và thiết bị với khối lượng khoảng 122,5 kg/tháng; thành phần chủ yếu: lớp xe hỏng, palet hỏng, dây cáp, bìa carton.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Trong giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động vệ sinh máy móc thiết bị thi công với khối lượng khoảng 2,0 kg/ngày; thành phần chủ yếu: giẻ lau dính dầu.

b) Trong giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng khoảng 88.793 kg/năm; thành phần chủ yếu: dầu thải, nước thải nhiễm dầu, bùn đất nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, pin, ắc quy thải, bao bì mềm thải.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Trong giai đoạn thi công, xây dựng

Tiếng ồn phát sinh từ máy móc thiết bị thi công: gàu ngoạm, sà lan, tàu kéo, tàu hút phun.

b) Trong giai đoạn vận hành

Tiếng ồn phát sinh từ máy móc thiết bị phục vụ vận hành cảng Quốc tế Cái Mép: cầu bờ, cầu bãi, xe đầu kéo.

3.4. Các tác động môi trường liên quan khác

a) Trong giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động nạo vét làm gia tăng tổng chất rắn lơ lửng tại sông Thị Vải (khu nước trước bên cảng Quốc tế Cái Mép) và sông Vàm Cỏ (khu vực bãi tiếp nhận vật, chất nạo vét) ảnh hưởng đến hệ sinh thái, nguy cơ xảy ra sự cố mất an toàn giao thông, tràn dầu, sạt lở, rò rỉ đe dọa bãi chứa.

b) Trong giai đoạn vận hành

- Hoạt động nạo vét duy tu khu nước trước cảng Quốc tế Cái Mép; nước thải, CTR sinh hoạt, chất thải nguy hại từ tàu, thuyền cập cảng Quốc tế Cái Mép ảnh hưởng tới môi trường nước, mỹ quan khu vực Dự án.

- Hoạt động của tàu, thuyền cập cảng Quốc tế Cái Mép làm sóng tràn bờ, tăng lượng trầm tích ven bờ do bị bồi lắng, ảnh hưởng đến giao thông khu vực.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Trong giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: bố trí 01 két chứa nước thải sinh hoạt trên phương tiện thi công; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển theo quy định.

- Nước róc từ bãi chứa chất nạo vét: bố trí 02 ô lắng của bãi chứa trước khi xả ra ngoài môi trường, diện tích mỗi ô lắng 5.000 m².

b) Trong giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: được xử lý sơ bộ qua 05 bể tự hoại 3 ngăn và 01 bể tách dầu mỡ sau đó được tiếp tục xử lý tại HTXL nước thải sinh hoạt công suất 100 m³/ngày.

Quy trình xử lý: bể thu gom → bể điều hòa → bể aerotank → bể lắng → bể phun → bể chứa nước sau xử lý → thiết bị lọc YD → khử trùng đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt → bể chứa nước thải sau xử lý (thu gom chung với nước thải nhiễm dầu sau xử lý) → đường ống dẫn xả D160 mm → sông Thị Vải (điểm xả có tọa độ (VN2000 kinh tuyến trục 107°45', múi chiếu 3°): X(m) = 1163153 m và Y(m) = 419269 m).

- Nước thải nhiễm dầu: được thu gom xử lý về HTXL nước thải nhiễm dầu công suất 50 m³/ngày.

Quy trình xử lý: bể thu gom → bể tách dầu → bể điều hòa → cụm bể hóa lý → bể lắng đứng → bể chứa nước sau xử lý (khử trùng) → thiết bị lọc YD đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp → bể chứa nước thải sau xử lý (thu gom chung với nước thải sinh hoạt sau xử lý) → đường ống dẫn xả D160 mm → sông Thị Vải (điểm xả có tọa độ (VN2000 kinh tuyến trục 107°45', múi chiếu 3°): X(m) = 1163153 m và Y(m) = 419269 m).

c) Yêu cầu bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt bảo đảm đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, hệ số K = 1,2) và nước thải nhiễm dầu bảo đảm đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, hệ số K_q = 1,0 và hệ số K_f = 1,1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Trong giai đoạn thi công, xây dựng

- Sử dụng phương tiện thi công còn hạn đăng kiểm, định kỳ kiểm tra bảo dưỡng máy móc thiết bị.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định.

b) Trong giai đoạn vận hành

Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị; thường xuyên vệ sinh, quét dọn tuyến đường vận chuyển, khu vực kho bãi, bốc dỡ hàng hóa; thực hiện đầy đủ các quy định về ngăn ngừa ô nhiễm không khí do

tàu thuyền gây ra tại Công ước MARPOL.

c) Yêu cầu bảo vệ môi trường

Thực hiện các giải pháp kỹ thuật đáp ứng yêu cầu, quy định về bảo vệ môi trường bảo đảm đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý CTR, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý CTR thông thường

a) Trong giai đoạn thi công, xây dựng

- Bố trí các thùng chứa CTR sinh hoạt loại 60 lít trên các phương tiện thi công; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển theo quy định.

- Vật, chất nạo vét được lưu giữ tại bãi chứa có tổng diện tích lưu chứa 79.337,5 m², trữ lượng chứa 600.000 m³.

b) Giai đoạn vận hành

Bố trí 01 khu vực lưu giữ CTR công nghiệp (rộng 156 m², cao 4,5 m) đặt tại mạn phải của xưởng sửa chữa; 05 thùng 120 lít, 10 thùng 240 lít thu gom CTR sinh hoạt bố trí tại nhà văn phòng, nhà điều hành, xưởng sửa chữa; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, bảo đảm toàn bộ chất thải phát sinh trong quá trình triển khai Dự án đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) và các quy định, yêu cầu có liên quan của địa phương.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Trong giai đoạn thi công, xây dựng

Bố trí 01 thùng chứa chất thải nguy hại trên phương tiện thi công; 01 kho chất thải nguy hại (rộng 28,5 m², cao 1,6 m) bố trí gần khu xử lý nước thải; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

Bố trí 01 kho chất thải nguy hại (rộng 28,5 m², cao 1,6 m) bố trí gần khu xử lý nước thải; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, giám sát, quản lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình triển khai Dự án đáp ứng các yêu cầu về an toàn và bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.



4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng máy móc, phương tiện thi công đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, có tiếng ồn và độ rung thấp; hạn chế hoạt động đồng thời của các thiết bị có độ ồn cao.
- Bảo dưỡng định kỳ các thiết bị theo quy định để vận hành tốt nhất và hạn chế thấp nhất mức ồn.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Các phương tiện thi công nạo vét đúng phạm vi, cao độ, xả vật, chất nạo vét đúng vị trí âu chứa tạm, giảm tốc độ mở cửa xả của sà lan để giảm phát tán chất rắn lơ lửng.
- Thông báo kế hoạch tàu ra vào làm hàng tại cảng cho đơn vị trí công đảm bảo các phương tiện thi công ra khỏi khu nước trước bến trước khi tàu cập bến làm hàng.
- Sử dụng các thiết bị bốc xếp container đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân; bố trí khu vực sửa chữa, khu bốc xếp cách ly với khu vực văn phòng; trồng cây xanh quanh khuôn viên Dự án bảo đảm diện tích quy định.
- Trang bị đầy đủ phương tiện thiết bị phòng cháy chữa cháy.
- Lập phương án bảo đảm an toàn hàng hải.
- Phổ biến nội quy về an toàn lao động cho công nhân; sử dụng lao động đúng ngành nghề và trình độ được đào tạo, công nhân trực tiếp vận hành máy được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách; sử dụng các thiết bị bảo hộ, dụng cụ lao động theo đúng quy định, thực hiện kiểm tra an toàn lao động.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.1. Giai đoạn thi công

5.1.1. Giám sát chất lượng nước mặt

- Vị trí giám sát: 03 vị trí tại khu vực nạo vét và 01 vị trí tại khu vực tiếp nhận nước róc từ bãi chứa.
- Tần suất giám sát: tối thiểu 01 lần trong quá trình thi công và 01 lần sau khi kết thúc thi công 03 ngày.
- Thông số giám sát: pH, DO, độ đục, TSS, BOD₅, Dầu mỡ.
- Quy chuẩn so sánh: áp dụng QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 2, loại C) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.1.2. Giám sát tiếng ồn

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực nạo vét, 01 vị trí tại khu vực gần âu chứa tạm.
- Thông số giám sát: tiếng ồn (Leq).

- Tần suất giám sát: tối thiểu 01 lần trong quá trình thi công.
- Quy chuẩn so sánh: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.1.3. Giám sát chất lượng trầm tích

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực nạo vét.
- Thông số giám sát: As, Pb, Cd, Zn, Cu, Hg.
- Tần suất giám sát: tối thiểu 01 lần trong quá trình thi công.
- Quy chuẩn so sánh: áp dụng QCVN 43:2017/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích.

5.2. Giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát chất lượng nước thải

a) Đối với nước thải sinh hoạt

- Vị trí giám sát: 01 vị trí nước thải sinh hoạt (sau xử lý và trước khi đầu nối vào bể chứa nước chung).

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, TDS, Sunfua, Amoni, Nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, tổng coliforms.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: áp dụng QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, hệ số K = 1,2).

b) Đối với nước thải nhiễm dầu

- Vị trí giám sát: 01 vị trí nước thải nhiễm dầu (sau xử lý và trước khi đầu nối vào bể chứa nước chung).

- Thông số giám sát: pH, TSS, COD, BOD₅, COD, Fe, Pb, Cu, Zn, Mn, amoni, tổng dầu mỡ khoáng, coliform.

- Tần suất: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: áp dụng QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, hệ số K_q = 1,0 và hệ số K_r = 1,1).

5.2.2. Đối với CTR thông thường, CTR sinh hoạt và chất thải nguy hại

Thực hiện phân loại, thu gom, xử lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình triển khai Dự án theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

a) Công khai rộng rãi cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công của Dự án; thiết lập hệ thống biển báo, cấm mốc giới

các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công.

b) Tuân thủ các quy định tại Luật Thủy sản, Luật Đa dạng sinh học, Luật Tài nguyên nước và các quy định khác có liên quan.

c) Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ và các quy phạm kỹ thuật trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

d) Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý, tổ chức thi công, vận hành phù hợp để giảm thiểu hạn chế tối đa bụi (phát sinh từ khu vực bãi chứa), sạt lở, bồi lắng (tại cảng Quốc tế Cái Mép) và giảm thiểu các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường.

đ) Thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại cảng Quốc tế Cái Mép được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Đầu tư các phương tiện, trang thiết bị cần thiết và có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng và các doanh nghiệp cảng trong khu vực để phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các sự cố do tràn dầu, cháy, nổ và các rủi ro khác liên quan đến sự cố tràn dầu và các sự cố môi trường khác trong toàn bộ các hoạt động của Dự án.

e) Thực hiện các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường của Dự án, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn môi trường: QCVN 14:2008/BTNMT, QCVN 40:2011/BTNMT, QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 43:2017/BTNMT và các quy chuẩn hiện hành khác, yêu cầu của địa phương về bảo vệ môi trường.

g) Kiểm tra, quản lý chặt chẽ chất thải từ các tàu, thuyền ra vào cảng Quốc tế Cái Mép. Thực hiện các quy định về an toàn, trật tự, vệ sinh, phòng, chống cháy, nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường và thực hiện Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển và Thông tư số 34/2020/TT-BGTVT ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng hải.

h) Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, đảm bảo các tiêu chuẩn xây dựng theo quy định. Thường xuyên theo dõi, giám sát các hiện tượng bồi lắng, xói lở, sạt lở trong khu vực Dự án. Trường hợp phát hiện sự cố xói lở, sạt lở bất thường, phải báo cáo cơ quan chức năng để kịp thời kiểm tra, xử lý đảm bảo giảm thiểu tác động tới môi trường, an toàn cho các công trình xây dựng và luồng giao thông khu vực.

i) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường đối với đội ngũ cán bộ và công nhân viên tham gia thi công, bảo đảm giữ gìn cảnh quan, môi trường hệ sinh thái khu vực Dự án và lân cận theo quy định.

k) Thiết lập mô hình quản lý và bảo đảm nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương

trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

l) Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

m) Chịu trách nhiệm giám sát 24/24 giờ đối với từng phương tiện tham gia nạo vét; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước giám sát hành trình thông qua thiết bị tự động nhận dạng (AIS) trong thời gian nạo vét, vận chuyển và phun vật, chất nạo vét.

n) Trong quá trình nạo vét nếu phát hiện thấy những dấu hiệu ô nhiễm bất thường thì phải dừng ngay hoạt động nạo vét và báo cáo kịp thời về các cơ quan quản lý chức năng để xem xét, giải quyết.

o) Chủ động đề xuất điều chỉnh các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các biện pháp, công trình này không bảo đảm công tác bảo vệ môi trường khi triển khai Dự án theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm và cam kết đền bù, khắc phục ô nhiễm, sự cố môi trường do hoạt động triển khai của Dự án./



